

Biểu số 18c/TP/PC
Ban hành theo Thông tư
số 17/2025/TT-BTP
Ngày nhận báo cáo
(BC):
BC sơ bộ năm: Ngày 20
tháng 11 năm báo cáo
BC tròn năm: Ngày 20
tháng 01 năm sau

SỐ TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC PHÁP CHẾ TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ
(Sơ bộ năm/tròn năm)
Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày... tháng... năm...
đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp...
Đơn vị nhận báo
cáo:
Bộ Tư pháp
(Cục Kế hoạch -
Tài chính)

Tên cơ quan/ tên tỉnh, thành phố Trung ương	Mô hình tổ chức pháp chế (Đơn vị)	Số công, chức viên chức làm công tác pháp chế (Người)	Ghi chú
--	--	--	--------------------

[illegible]

[illegible]

15	Sở Quy hoạch - Kiến trúc (đôi với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh)																
II	Doanh nghiệp p nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý													-	-	-	
	Tên doanh nghiệp ...													-	-	-	
	...													-	-	-	

III	Đơn vị sự nghiệp p công lập do UBND cấp tỉnh quản lý														-	-	-	
	Tên đơn vị...														-	-	-	
	...														-	-	-	
IV	Đơn vị sự nghiệp p công lập do cơ quan chuyê n môn của UBND cấp tỉnh quản lý														-	-	-	

	Tên đơn vị...														-	-	-	
															-	-	-	

Ô có dấu - không phải báo cáo

***Ghi chú:**

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng
 năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 18c/TP/PC

Số tổ chức và người làm công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh/thành phố

1. Khái niệm, phương pháp tính

Biểu số 18c/TP/PC tổng hợp số tổ chức và người làm công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh/thành phố, bao gồm số liệu tổng hợp tại cơ quan chuyên môn và số liệu tại các doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh/thành phố quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập do UBND tỉnh/thành phố quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh quản lý theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.

- Các doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh quản lý theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.

- Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập do UBND tỉnh, thành phố quản lý và các đơn vị sự nghiệp công lập do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh quản lý quy định tại Điều 10a của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.

2. Cách ghi biểu:

- Dòng Tổng số = Dòng I “Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh” + Dòng II “Tại Doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh quản lý” + Dòng III “Tại đơn vị sự nghiệp công lập do UBND cấp tỉnh quản lý” + Dòng IV “Tại đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh quản lý.

Không dùng ký tự (ví dụ ký tự “x”) trong biểu báo cáo thống kê để thể hiện việc có số liệu.

Cột (1): Ghi rõ số tổ chức pháp chế tương ứng với từng đối tượng; trường hợp không có tổ chức pháp chế thì ghi số 0.

Cột (2): Ghi rõ số bộ phận pháp chế tương ứng với từng đối tượng; trường hợp không có bộ phận pháp chế thì ghi số 0.

Cột (3): Trường hợp chưa có tổ chức/bộ phận pháp chế nhưng cử công chức, viên chức kiêm nhiệm thì ghi số 1; không cử công chức, viên chức kiêm nhiệm thì ghi số 0.

Cột 4 = Cột (5 + 6) = Cột (7+8 + 9) = Cột (10+11) = Cột (12+13+14+15).

Cột (7), (8), (9): trong trường hợp cán bộ pháp chế vừa có chuyên môn luật vừa có chuyên môn khác thì chỉ thống kê theo chuyên môn Luật.

Ví dụ: một cán bộ pháp chế vừa có bằng luật vừa có bằng kinh tế thì chỉ tính là 1 người và thống kê vào cột (7) hoặc cột (8).

3. Nguồn số liệu

Từ sổ ghi chép và hồ sơ quản lý cán bộ, công chức làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, DNNN, đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh/thành phố tại biểu 18b/TP/PC.